

HỒ SƠ YÊU CẦU

Gói mua sắm: CHRR/2026 - Trang bị 03 xe VF9 PLUS 2026
Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân Đội

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2026

TL TỔNG GIÁM ĐỐC
GIÁM ĐỐC KHỐI HÀNH CHÍNH



Nguyễn Trần Phương

MỤC LỤC

A. CÁC TỪ VIẾT TẮT	2
B. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP	3
Mục 1. Nội dung gói mua sắm	3
Mục 2. Phạm vi cung cấp	3
Sản xuất năm 2026	3
Mục 3. Biểu tiền độ cung cấp	3
Mục 4. Nội dung của HSĐX	3
Mục 5. Giá đề xuất	4
Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSĐX	4
Mục 7. Làm rõ HSYC:	4
Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm	4
Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSĐX	6
Mục 10. Làm rõ HSĐX	6
Mục 11. Đánh giá các HSĐX	7
Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng	7
Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng	7
Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng	7
Mục 15. Xử lý vi phạm	7
C. YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSĐX	8
1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSĐX	8
2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:	8
3. Các yêu cầu khác	9
4. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật	10
5. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:	10
6. Xếp hạng NCC:	10
7. Xác định giá chào:	10
D. BIỂU MẪU	13
Mẫu số 1 – Đơn đề xuất	13
Mẫu số 2 – Giấy ủy quyền	14
Mẫu số 3 – Thỏa thuận liên danh	15
Mẫu số 4 – Bảng chào giá	17
Mẫu số 5 – Bảng TBĐƯ kỹ thuật	18
Mẫu số 6 – Bảng kê khai thông tin về NCC	19
Mẫu số 7 – Bảng kê khai thông tin HĐ không hoàn thành	20
Mẫu số 8 – Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện	21
Mẫu số 9 – Tình hình tài chính của NCC	22

A. CÁC TỪ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSDX	Hồ sơ đề xuất
VND	Đồng Việt Nam
USD	Đô la Mỹ
MB	Ngân hàng TMCP Quân đội
NCC	Nhà cung cấp
TVLD	Thành viên liên danh

B. CHỈ DẪN ĐỐI VỚI NHÀ CUNG CẤP

Mục 1. Nội dung gói mua sắm

Bên mua sắm: Ngân hàng TMCP Quân đội (MB) mời các nhà cung cấp tham gia chào hàng theo gói mua sắm: “CHRR/2026 - Trang bị 03 xe VF9 PLUS 2026”.

Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

Mục 2. Phạm vi cung cấp

STT	Danh mục hàng hóa	ĐVT	Số lượng	Ghi chú
1	VF9 PLUS 2026 – 6 chỗ trần thép	Chiếc	3	Sản xuất năm 2026

Mục 3. Biểu tiến độ cung cấp

- Thời gian hoàn thành cung cấp hàng hóa: Tối đa sau 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Địa điểm giao hàng: Theo yêu cầu của MB.

Mục 4. Nội dung của HSDX

1. Ngôn ngữ sử dụng:

- Các tài liệu trong HSDX cũng như tất cả các văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên mua sắm và các NCC liên quan đến việc đề xuất phải được trình bày bằng tiếng Việt.
- Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài đều phải có bản dịch ra tiếng Việt và NCC phải chịu trách nhiệm về nội dung bản dịch này (trừ Catalogue/Specification hoặc tài liệu hướng dẫn sử dụng có thể sử dụng văn bản bằng Tiếng Anh).

2. Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của NCC:

- Bản sao giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp, được phép hoạt động trong lĩnh vực cung cấp hàng hóa/ dịch vụ tương tự gói mua sắm này;
- Đơn đề xuất theo Mẫu số 1 Phần D được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu (người đại diện theo pháp luật của NCC hoặc người được ủy quyền).
- Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần D (trong trường hợp ủy quyền) và Bản sao chứng thực Giấy tờ chứng minh tư cách hợp lệ của người được ủy quyền;
- NCC được tham gia trong một HSDX với tư cách là NCC độc lập hoặc NCC liên danh (kèm theo thỏa thuận liên danh trong đó có phân chia công việc chi tiết của các thành viên liên danh theo Mẫu số 3 Phần D).

3. Tài liệu về tài chính, thương mại:

- Bảng chào giá - Mẫu số 4. Nhà cung cấp phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục và tổng giá mời chào hàng. Trong mỗi biểu giá, nhà cung cấp phải ghi rõ các yếu tố cấu thành giá chào và chào giá chi tiết từng cấu phần lớn.
- Các đề xuất tài chính cho gói mua sắm: Thời gian bảo hành, điều kiện thanh toán, điều kiện giao hàng, các điều kiện tài chính khác (nếu có)

4. Tài liệu chứng minh năng lực và kinh nghiệm của NCC:

- Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật – Mẫu số 05 Phần D, catalogue và tài liệu tham chiếu
- Bảng kê khai thông tin về NCC – Mẫu số 06 Phần D
- Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện – Mẫu số 08 Phần D
- Tình hình tài chính của NCC – Mẫu số 09 Phần D.
- Giấy ủy quyền/chứng nhận đại lý của nhà sản xuất

Mục 5. Giá đề xuất

1. Giá đề xuất là giá do NCC nêu trong đơn đề xuất sau khi trừ phần giảm giá (nếu có). Giá đề xuất phải bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để thực hiện gói mua sắm trên cơ sở yêu cầu của HSYC. Giá đề xuất được chào bằng đồng tiền Việt Nam (hoặc Đô la Mỹ đối với NCC nước ngoài).
2. Trường hợp NCC có thư giảm giá thì có thể nộp cùng với HSDX hoặc nộp riêng song phải đảm bảo đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Trường hợp thư giảm giá nộp cùng với HSDX thì NCC phải thông báo cho đơn vị mua sắm trước thời điểm hết hạn nộp HSDX hoặc phải có bảng kê thành phần HSDX trong đó có thư giảm giá. Trong thư giảm giá cần nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá đối với từng loại hàng hóa cụ thể nêu trong biểu giá chào bằng giá trị tuyệt đối. Trường hợp không nêu rõ nội dung, cách thức giảm giá thì được hiểu là giảm đều theo tỷ lệ cho tất cả các loại hàng hóa nêu trong biểu giá chào.
3. Biểu giá chào phải được ghi đầy đủ theo Mẫu số 4 Phần D, có chữ ký của người đại diện hợp pháp.

Mục 6. Thời gian có hiệu lực của HSDX

Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX là 15 giờ 00 ngày 29 tháng 8 năm 2026.

Mục 7. Làm rõ HSYC:

Trường hợp cần làm rõ HSYC, NCC phải gửi văn bản/email đề nghị làm rõ đến Đơn vị mua sắm không muộn hơn 03 ngày trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. Đơn vị mua sắm phải có văn bản/email trả lời tất cả các yêu cầu làm rõ HSYC trước thời điểm đóng gói mua sắm tối thiểu 01 ngày cho tất cả các NCC được mời tham gia gói mua sắm này nhưng không nêu tên NCC đề nghị làm rõ.

Địa chỉ nhận văn bản đề nghị làm rõ HSYC:

Ngân hàng TMCP Quân đội

Tầng 7, P. Mua sắm, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội.

Điện thoại: (024) 62777222 (Máy lẻ: 3210)

Email: Thanhvh@mbbank.com.vn

Mục 8. Bảo đảm tham dự gói mua sắm

1. NCC nộp bảo đảm tham dự gói mua sắm theo hình thức thư bảo lãnh chào hàng được đại diện hợp pháp của ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam (trừ hệ thống Ngân hàng TMCP Quân đội) ký tên, đóng dấu, hoặc theo hình thức đặt cọc vào một trong hai tài khoản sau, tùy theo đồng tiền bảo đảm tham dự gói mua sắm quy định tại Mục 8.2 bên dưới:

	Đặt cọc bằng VND	Đặt cọc bằng USD
Số tài khoản	VND1142600310001	USD1142600310001
Tên tài khoản	TAM GIU TIEN KY QUY DU THAU VND	TAM GIU TIEN KY QUY DU THAU USD
Tại	Ngân hàng TMCP Quân Đội	

2. Giá trị và đồng tiền bảo đảm tham dự gói mua sắm: 70.000.000 (*Bằng chữ: Bảy mươi triệu đồng chẵn*).
3. Hiệu lực của bảo đảm tham dự gói mua sắm: 150 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp Hồ sơ đề xuất.
4. Khi tham gia gói mua sắm, NCC phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm trước thời điểm hết hạn nộp hồ sơ. Trường hợp liên danh thì phải thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm theo một trong hai cách sau:
 - a. Từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện riêng rẽ bảo đảm tham dự gói mua sắm nhưng bảo đảm tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại HSYC; nếu bảo đảm tham dự gói mua sắm của một thành viên trong liên danh được xác định là không hợp lệ thì HSDX của liên danh đó sẽ bị loại theo điều kiện tiên quyết.
 - b. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận để một thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm cho cả liên danh. Trong trường hợp này, bảo đảm tham dự gói mua sắm có thể bao gồm tên của liên danh hoặc tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện biện pháp bảo đảm tham dự gói mua sắm cho cả liên danh nhưng đảm bảo tổng giá trị không thấp hơn mức yêu cầu nêu tại HSYC.
5. Bảo đảm tham dự gói mua sắm được coi là không hợp lệ khi thuộc một trong các trường hợp sau đây: có giá trị thấp hơn, không đúng đồng tiền quy định, thời gian hiệu lực ngắn hơn, không nộp theo địa chỉ (tên và địa chỉ của MB) và thời gian quy định trong HSYC, không đúng tên gói mua sắm, tên NCC và/hoặc không có chữ ký hợp lệ (đối với thư bảo lãnh của ngân hàng, tổ chức tài chính).
6. NCC không được đề nghị ký gói mua sắm sẽ được hoàn trả bảo đảm tham dự gói mua sắm trong thời gian quy định trong HSYC. Đối với NCC được đề nghị ký gói mua sắm, bảo đảm tham dự gói mua sắm được hoàn trả sau khi NCC thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng.
7. NCC không được nhận lại bảo đảm tham dự gói mua sắm trong các trường hợp sau đây:
 - a. NCC rút HSDX sau khi gói mua sắm đã mở và HSDX vẫn còn hiệu lực;
 - b. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được thông báo kết quả lựa chọn NCC và đề nghị thương thảo, hoàn thiện, ký hợp đồng theo gói mua sắm này của chủ đầu tư mà NCC không tiến hành hoặc từ chối tiến hành thương thảo, hoàn thiện hợp đồng và/hoặc đã thương thảo, hoàn thiện xong nhưng từ chối ký hợp đồng mà không có lý do chính đáng;
 - c. Trường hợp một thành viên trong liên danh vi phạm dẫn đến NCC không được nhận lại bảo đảm tham dự gói mua sắm theo quy định tại khoản này thì tất cả thành viên trong liên danh đều bị tịch thu bảo đảm tham dự gói mua sắm.

Mục 9. Chuẩn bị và nộp HSDX

1. HSDX do NCC chuẩn bị phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được. Đơn đề xuất, biểu giá chào, thư giảm giá (nếu có) và các văn bản bổ sung, làm rõ HSDX (nếu có) phải được đại diện hợp pháp của NCC ký và đóng dấu (nếu có). Những chữ viết chen giữa, tẩy xóa hoặc viết đè lên bản đánh máy chỉ có giá trị khi có chữ ký (của người ký đơn đề xuất) ở bên cạnh và được đóng dấu (nếu có).
2. NCC nộp HSDX đến đơn vị mua sắm bằng cách gửi trực tiếp, gửi qua đường bưu điện hoặc bằng fax nhưng phải đảm bảo đơn vị mua sắm nhận được trước thời điểm hết hạn nộp HSDX. HSDX của NCC gửi đến sau thời điểm hết hạn nộp HSDX là không hợp lệ và bị loại.
3. HSDX phải được đựng trong túi có niêm phong bên ngoài (cách đánh dấu niêm phong do nhà cung cấp tự thực hiện). Nhà cung cấp phải ghi rõ các thông tin trên túi đựng HSDX:

Tên NCC, địa chỉ, điện thoại, Fax của nhà cung cấp.

Tên và điện thoại của người khi cần liên lạc.

HỒ SƠ ĐỀ XUẤT

Gói mua sắm: CHRR/2026 - Trang bị 03 xe VF9 PLUS 2026

Địa chỉ nộp HSDX: Phòng Mua sắm – Khối Hành chính

Tầng 7, Tòa nhà MB, 18 Lê Văn Lương, Yên Hòa, Hà Nội.

Người nhận: Vũ Hải Thanh

Điện thoại: 0989.144.274. Email: Thanh@mbbank.com.vn

(Không được mở trước 15 giờ 00, ngày 29 tháng 8 năm 2026)

4. NCC phải chịu trách nhiệm về hậu quả hoặc sự bất lợi nếu không tuân theo quy định trong HSYC như không niêm phong hoặc làm mất niêm phong HSDX trong quá trình chuyển tới bên mời tham gia đề xuất, không ghi đúng các thông tin trên túi đựng HSDX theo hướng dẫn tại khoản 3 mục này

Mục 10. Làm rõ HSDX

1. Trong quá trình đánh giá HSDX, đơn vị mua sắm có thể yêu cầu NCC làm rõ nội dung của HSDX (kể cả việc làm rõ đơn giá khác thường) và bổ sung tài liệu trong trường hợp HSDX thiếu tài liệu theo yêu cầu của HSYC với điều kiện không làm thay đổi nội dung cơ bản của HSDX đã nộp.
2. Việc làm rõ HSDX được thực hiện giữa đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia và NCC có HSDX cần phải làm rõ dưới hình thức trao đổi trực tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia mời NCC đến gặp trực tiếp để trao đổi, những nội dung hỏi và trả lời phải lập thành văn bản) hoặc gián tiếp (đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia gửi văn bản/email yêu cầu làm rõ và NCC phải trả lời bằng văn bản/email). Trong văn bản yêu cầu làm rõ cần quy định thời hạn làm rõ của NCC. Nội dung làm rõ HSDX thể hiện bằng văn bản được đơn vị mua sắm bảo quản như một phần của HSDX. Trường hợp quá thời hạn làm rõ mà đơn vị mua sắm không nhận được văn bản/email làm rõ hoặc NCC có văn bản/email làm rõ nhưng không đáp ứng được yêu cầu làm rõ của đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia thì đơn vị mua sắm xem xét, xử lý theo các quy định của MB và pháp luật hiện hành.

Mục 11. Đánh giá các HSDX

Việc đánh giá HSDX được thực hiện theo trình tự như sau:

1. Đánh giá pháp lý, bao gồm:

- a. Kiểm tra tính hợp lệ của HSDX (kiểm tra tư cách hợp lệ của NCC theo quy định tại khoản 2 Mục 4 Phần này và mục 1 Phần C.
- b. Đánh giá tính đáp ứng các yêu cầu về năng lực kinh nghiệm theo yêu cầu tại Mục 2 phần C.

2. Đánh giá về kỹ thuật: Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia đánh giá theo các yêu cầu về kỹ thuật nêu trong HSYC đối với các HSDX được nộp đúng quy định. Việc đánh giá các yêu cầu về kỹ thuật được thực hiện bằng phương pháp theo tiêu chí quy định tại Mục 3 Phần C. HSDX vượt qua bước đánh giá về kỹ thuật khi tất cả yêu cầu bắt buộc đều được đánh giá là “Đạt”.

Khi cần thiết, Đơn vị mua sắm/tổ chuyên gia có thể yêu cầu NCC làm rõ một số yêu cầu, tính năng đáp ứng của hàng hóa, dịch vụ.

3. Đánh giá về thương mại:

- a. Đơn vị mua sắm tiến hành việc sửa lỗi và hiệu chỉnh sai lệch (nếu có).
- b. Đơn vị mua sắm xác định giá đưa về cùng mặt bằng của các HSDX và so sánh giá trên cùng mặt bằng của các HSDX. HSDX đáp ứng yêu cầu về pháp lý, kỹ thuật thì tiêu chí giá sẽ đánh giá cùng các tiêu chí kỹ thuật để xếp hạng hồ sơ. Các hồ sơ không đáp ứng yêu cầu về pháp lý/kỹ thuật chỉ được dùng giá để tham khảo, không được dùng để xếp hạng hồ sơ (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

Mục 12. Điều kiện đối với NCC được đề nghị ký hợp đồng

NCC được đề nghị ký hợp đồng khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

- HSDX đáp ứng yêu cầu của MB;
- Không có tên trong hai hoặc nhiều HSDX với tư cách là NCC chính và không vi phạm các hành vi bị cấm theo quy định MB và của pháp luật;
- Căn cứ vào kết quả đàm phán, NCC có phương án chào sau đàm phán đáp ứng tối ưu yêu cầu MB sẽ được đề nghị ký hợp đồng.

Mục 13. Thông báo kết quả chào hàng

Đơn vị mua sắm thông báo kết quả lựa chọn NCC bằng văn bản cho tất cả các NCC tham gia nộp HSDX sau khi có quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Mục 14. Hoàn thiện và ký kết hợp đồng

Đơn vị mua sắm tiến hành hoàn thiện hợp đồng với NCC được lựa chọn để ký kết hợp đồng.

Mục 15. Xử lý vi phạm

Trường hợp NCC có các hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm cam kết trong hợp đồng, thông đồng, gian dối trong việc cung cấp thông tin về hàng hóa, dịch vụ và các thông tin khác làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Bên mua thì tùy theo mức độ vi phạm sẽ bị xử lý căn cứ theo quy định tại hợp đồng và các thỏa thuận khác.

C. YÊU CẦU VÀ TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ HSDX

1. Yêu cầu và đánh giá tính hợp lệ của HSDX

TT	Nội dung	Yêu cầu (mức yêu cầu tối thiểu để được đánh giá là đáp ứng)
1	Số lượng HSDX phải nộp	01 bản gốc, 1 bản chụp Trong đó: - Tổ chức phân tài liệu theo yêu cầu của MB với danh mục ứng với các yêu cầu của HSYC như năng lực tài chính, năng lực kinh nghiệm, năng lực kỹ thuật, cam kết và các phụ lục phản hồi về nguồn lực / đào tạo v.v...
2	Tính hợp lệ của đơn đề xuất	Được người đại diện hợp pháp của NCC ký tên, đóng dấu
3	Hiệu lực HSDX đáp ứng yêu cầu	Thời gian có hiệu lực của HSDX là 120 ngày kể từ thời điểm hết hạn nộp HSDX.
4	Có giấy phép ĐKKD	Có giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nhà nước Việt Nam cấp; ngành nghề phù hợp với lĩnh vực tham gia chào giá (bản công chứng chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền)

NCC có HSDX hợp lệ được xem xét, đánh giá tiếp về năng lực và kinh nghiệm

2. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm:

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	NCC độc lập	NCC liên danh		
				Tổng các TVLD	Từng TVLD	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của NCC	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến thời điểm hết hạn nộp HSDX, NCC không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của NCC	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Biểu mẫu số 07 – Phần D
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp HSDX.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của NCC
3	Năng lực tài chính					
	Kết quả hoạt động tài chính	Giá trị tài sản ròng của NCC trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm hết hạn nộp	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Biểu mẫu số 9 –

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	NCC độc lập	NCC liên danh		
				Tổng các TVLD	Từng TVLD	
		HSĐX phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)				Phần D
	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu năm bình quân các năm 2023-2024- 2025: ≥ 7 tỷ đồng. Trường hợp NCC có số năm thành lập ít hơn 3 năm thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà NCC thành lập.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hoá tương tự	NCC có tối thiểu 02 hợp đồng tương tự, trong đó có tối thiểu 01 hợp đồng có giá trị ≥ 3,2 tỷ đồng và tổng giá trị các hợp đồng ≥ 6,4 tỷ đồng (cung cấp bản sao hợp đồng có công chứng, chứng thực của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh) <i>Hợp đồng tương tự là hợp đồng cung cấp xe ô tô điện Vinfast</i>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương ứng với phần công việc đàm nhận)	Biểu mẫu số 09

3. Các yêu cầu khác

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
1	Thư ủy quyền của nhà sản xuất	- Nhà cung cấp phải có thư ủy quyền/giấy chứng nhận đại lý của hãng sản xuất về việc ủy quyền cung cấp hàng hóa, dịch vụ và cam kết hỗ trợ kỹ thuật, bảo hành theo tiêu chuẩn của hãng sản xuất để chào cho gói mua sắm này.	M
2	Chào giá chi tiết các cấu phần	- Nhà cung cấp phải điền đầy đủ các thông tin phù hợp vào biểu giá như đơn giá, giá trị cho từng hạng mục và tổng giá chào hàng. Trong mỗi biểu giá, nhà cung cấp phải ghi	M

TT	Nội dung	Mô tả chi tiết	Yêu cầu
		rõ các yếu tố cấu thành giá chào và chào giá chi tiết từng cấu phần.	
3	Tiến độ thanh toán	- Tạm ứng 30%, thanh toán 70% hoặc theo các thỏa thuận khác khi đàm phán, ký kết hợp đồng	O

4. Yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về mặt kỹ thuật đối với từng hồ sơ đề xuất được thực hiện theo tiêu chí đánh giá Đạt/ Không đạt. Chi tiết theo Phụ lục 01 đính kèm.

- Trường hợp cần làm rõ, MB sẽ yêu cầu làm rõ hoặc mời NCC đến thuyết minh giải pháp.
- HSĐX được đánh giá là đạt yêu cầu kỹ thuật khi các yêu cầu được đánh giá là Đạt.
- Các NCC được đánh giá đạt yêu cầu kỹ thuật sẽ được đánh giá bước tiếp theo.
- Biểu mẫu Bảng tuyên bố đáp ứng kỹ thuật: Mẫu số 5.

5. Tiêu chuẩn đánh giá về mặt tài chính:

Phương pháp đánh giá về giá: Phương pháp giá thấp nhất.

6. Xếp hạng NCC:

- NCC đạt yêu cầu về kỹ thuật và có thời gian giao xe tối đa không quá 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng và có giá thấp nhất được xếp thứ nhất.
- Trên cơ sở xếp hạng HSĐX của các NCC, Công ty xếp hạng thứ 1 và thứ 2 sẽ được mời tham gia đàm phán (ngoại trừ các trường hợp được cấp thẩm quyền đồng ý).

7. Xác định giá chào:

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
1	Xác định giá chào	Đơn vị mua sắm xác định giá đánh giá của các HSĐX theo trình tự sau đây: xác định giá chào; sửa lỗi; hiệu chỉnh các sai lệch; chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch sang một đồng tiền chung (nếu có); đưa các chi phí về một mặt bằng để xác định giá đánh giá. Trường hợp có thư giảm giá thì Bên mua sắm sẽ thực hiện sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch trên cơ sở giá chào chưa trừ đi giá trị giảm giá. Trong trường hợp đó, việc xác định giá trị tuyệt đối của lỗi số học hoặc sai lệch được tính trên cơ sở giá chào ghi trong đơn. Giá đánh giá được xác định trên cùng một mặt bằng các yếu tố về kỹ thuật, tài chính, thương mại, và các yếu tố khác để so sánh, xếp hạng HSĐX.
2	Sửa lỗi	1. Sửa lỗi là việc sửa lại những sai sót trong HSĐX bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây: a) Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác: - Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Trường hợp đơn giá sai mà số lượng, khối lượng và thành tiền đúng thì lấy thành tiền làm

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
		cơ sở pháp lý để xác định đơn giá; - Trường hợp không nhất quán giữa bảng giá tổng hợp và bảng giá chi tiết thì lấy bảng giá chi tiết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Lỗi số học được tính theo tổng giá trị tuyệt đối, không phụ thuộc vào việc giá chào tăng lên hay giảm đi sau khi sửa lỗi. b) Các lỗi khác: - Cột thành tiền được điền vào mà không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; - Khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; - Nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì được coi là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo số lượng nêu trong HSYC. - Lỗi nhầm đơn vị: sử dụng dấu “,” (dấu phẩy) thay cho dấu “.” (dấu chấm) và ngược lại thì được sửa lại cho phù hợp theo cách viết của Việt Nam; - Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất tài chính thì nội dung thuộc đề xuất kỹ thuật sẽ là cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi; - Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số làm cơ sở pháp lý và thực hiện sửa lỗi số học (nếu có) theo quy định tại điểm a khoản này; - Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong đơn chào (không kê giảm giá) và giá trong biểu giá tổng hợp thì căn cứ vào giá ghi trong biểu giá tổng hợp sau khi được hiệu chỉnh và sửa lỗi theo biểu giá chi tiết. 2. Sau khi sửa lỗi theo nguyên tắc trên, Bên mua sắm sẽ thông báo bằng văn bản cho nhà cung cấp. Nhà cung cấp phải có văn bản thông báo cho Bên mua sắm về việc chấp nhận sửa lỗi nêu trên. Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc sửa lỗi thì HSDX của nhà cung cấp đó sẽ bị loại.
3	Hiệu chỉnh các sai lệch	1. Hiệu chỉnh các sai lệch là việc điều chỉnh những nội dung thiếu hoặc thừa trong HSDX so với yêu cầu của HSYC. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện như sau: Trường hợp có những sai lệch về phạm vi cung cấp thì phần chào thiếu sẽ được cộng thêm vào, phần chào thừa sẽ được trừ đi.
4	Chuyển đổi giá chào sau sửa lỗi	Trường hợp cho phép các nhà cung cấp chào giá bằng nhiều đồng tiền khác nhau theo quy định tại Mục 12 Chương này, để có cơ sở

STT	Nội dung	Căn cứ xác định
	và hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giảm giá (nếu có) sang một đồng tiền chung (nếu có)	cho việc đánh giá và so sánh các HSDX, Bên mua sắm quy đổi giá chào về cùng một đồng tiền căn cứ vào tỷ giá giữa đồng Việt Nam và đồng tiền nước ngoài.

D. BIỂU MẪU

Mẫu số 1 – Đơn đề xuất

ĐƠN ĐỀ XUẤT

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: _____ [*Ghi tên đơn vị mua sắm*]

Sau khi nghiên cứu hồ sơ yêu cầu và văn bản sửa đổi hồ sơ yêu cầu số ____ [*Ghi số, ngày của văn bản sửa đổi, nếu có*] mà chúng tôi đã nhận được, chúng tôi, ____ [*Ghi tên NCC*], cam kết thực hiện gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] theo đúng yêu cầu của hồ sơ yêu cầu với tổng số tiền là ____ [*Ghi giá trị bằng số, bằng chữ*] cùng với biểu giá kèm theo.

Nếu hồ sơ đề xuất của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa và dịch vụ theo đúng các điều khoản được thỏa thuận trong hợp đồng.

Hồ sơ đề xuất này có hiệu lực trong thời gian ____ ngày [*Ghi số ngày*], kể từ ____ giờ, ngày ____ tháng ____ năm ____ [*Ghi thời điểm hết hạn nộp hồ sơ đề xuất*].

Đại diện hợp pháp của NCC⁽¹⁾

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

(1) Trường hợp đại diện theo pháp luật của NCC ủy quyền cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này. Trường hợp tại Điều lệ công ty, Quyết định thành lập chi nhánh hoặc tại các tài liệu khác liên quan có phân công trách nhiệm cho cấp dưới ký đơn đề xuất thì phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu này (không cần lập Giấy ủy quyền theo Mẫu số 2 Phần này). Trước khi ký kết hợp đồng, NCC được lựa chọn là nhà cung cấp phải trình Bên mua bản chụp được chứng thực của các văn bản, tài liệu này.

GIẤY ỦY QUYỀN⁽¹⁾

Hôm nay, ngày ____ tháng ____ năm ____, tại ____

Tôi là ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người đại diện theo pháp luật của NCC*], là người đại diện theo pháp luật của ____ [*Ghi tên NCC*] có địa chỉ tại ____ [*Ghi địa chỉ của NCC*] bằng văn bản này ủy quyền cho ____ [*Ghi tên, số CMND hoặc số hộ chiếu, chức danh của người được ủy quyền*] thực hiện các công việc sau đây trong quá trình tham gia chào hàng theo gói mua sắm ____ [*Ghi tên gói mua sắm*] do ____ [*Ghi tên đơn vị mua sắm*] tổ chức:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký thỏa thuận liên danh (nếu có);

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia chào hàng, kể cả văn bản giải trình, làm rõ HSĐX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Ký kết hợp đồng với chủ đầu tư nếu được lựa chọn.]⁽²⁾

Người được ủy quyền nêu trên chỉ thực hiện các công việc trong phạm vi ủy quyền với tư cách là đại diện hợp pháp của ____ [*Ghi tên NCC*]. ____ [*Ghi tên NCC*] chịu trách nhiệm hoàn toàn về những công việc do ____ [*Ghi tên người được ủy quyền*] thực hiện trong phạm vi ủy quyền.

Giấy ủy quyền có hiệu lực kể từ ngày ____ đến ngày ____⁽³⁾. Giấy ủy quyền này được lập thành ____ bản có giá trị pháp lý như nhau, người ủy quyền giữ ____ bản, người được ủy quyền giữ ____ bản.

Người được ủy quyền

*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu (nếu có)]*

Người ủy quyền

*[Ghi tên người đại diện theo pháp luật của
NCC, chức danh, ký tên và đóng dấu]*

Ghi chú:

(1) Trường hợp ủy quyền thì bản gốc giấy ủy quyền phải được gửi cho đơn vị mua sắm cùng với đơn đề xuất theo quy định tại Mục 5 Phần A. Việc ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của NCC cho cấp phó, cấp dưới, giám đốc chi nhánh, người đứng đầu văn phòng đại diện của NCC để thay mặt cho người đại diện theo pháp luật của NCC thực hiện một hoặc các nội dung công việc nêu trên đây. Việc sử dụng con dấu trong trường hợp được ủy quyền có thể là dấu của NCC hoặc dấu của đơn vị mà cá nhân liên quan được ủy quyền. Người được ủy quyền không được tiếp tục ủy quyền cho người khác.

(2) Phạm vi ủy quyền do người ủy quyền quyết định, bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

(3) Ghi ngày có hiệu lực và ngày hết hiệu lực của giấy ủy quyền phù hợp với quá trình tham gia chào hàng.

THỎA THUẬN LIÊN DANH

_____, ngày . tháng _ năm _____

Gói mua sắm: _____ [Ghi tên gói mua sắm]

Căn cứ hồ sơ yêu cầu gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] ngày ____ tháng ____ năm ____ [ngày được ghi trên HSYC] do phát hành;

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số _____ ngày _____ tháng _____ năm _____ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham gia thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói mua sắm này là: _____ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia thực hiện gói mua sắm này. Trường hợp được lựa chọn, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng trừ khi được sự đồng ý bằng văn bản của các thành viên trong liên danh. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [nêu rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói mua sắm _____ [Ghi tên gói mua sắm] thuộc dự án _____ [Ghi tên dự án] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên

danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau ⁽¹⁾:

[- Ký đơn đề xuất;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với đơn vị mua sắm trong quá trình tham gia đề xuất, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSDX;

- Tham gia quá trình thương thảo, hoàn thiện hợp đồng;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng ____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh ____ *[ghi cụ thể phân công việc, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh và nếu có thể ghi tỷ lệ phần trăm giá trị tương ứng].*

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.

2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

- Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;

- Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;

- NCC liên danh không được lựa chọn;

- Chủ đầu tư hủy gói mua sắm ____ *[Ghi tên gói mua sắm]* thuộc dự án ____ *[Ghi tên dự án]* theo thông báo của đơn vị mua sắm.

Thỏa thuận liên danh được lập thành ____ bản, mỗi bên giữ ____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

⁽¹⁾ Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.

BẢNG CHÀO GIÁ

1	2	3	4	7	8
STT	Mô tả hàng hóa/ dịch vụ	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá	Thành tiền (Cột 3x7)
Tổng giá chào đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)					(I)

Đại diện hợp pháp của NCC

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú: NCC phải chào giá chi tiết từng cấu phần lớn.

BẢNG TUYÊN BỐ ĐÁP ỨNG KỸ THUẬT

STT	Yêu cầu	Tuyên bố đáp ứng (Đáp ứng vượt trội/ Đáp ứng/ Đáp ứng một phần/ Không đáp ứng)	Chỉ dẫn tham chiếu (chỉ rõ tên tài liệu, mục, số, trang)	Diễn giải chi tiết

Đại diện hợp pháp của NCC

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

BẢN KÊ KHAI THÔNG TIN VỀ NCC

Ngày: _____

Số hiệu và tên gói mua sắm: _____

Trang _____ / _____ trang

Tên NCC: _____ <i>[ghi tên NCC]</i>
Trong trường hợp liên danh, ghi tên của từng thành viên trong liên danh
Nơi NCC đăng ký kinh doanh, hoạt động: _____ <i>[ghi tên tỉnh/thành phố nơi đăng ký kinh doanh, hoạt động]</i>
Năm thành lập công ty: _____ <i>[ghi năm thành lập công ty]</i>
Địa chỉ hợp pháp của NCC: _____ <i>[tại nơi đăng ký]</i>
Thông tin về đại diện hợp pháp của NCC Tên: _____ Địa chỉ: _____ Số điện thoại/fax: _____ Địa chỉ email: _____
1. Kèm theo là bản chụp một trong các tài liệu sau đây: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, quyết định thành lập hoặc tài liệu có giá trị tương đương do cơ quan có thẩm quyền của nước mà NCC đang hoạt động cấp. 2. Trình bày sơ đồ tổ chức của NCC.

HỢP ĐỒNG KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ CUNG CẤP

Tên nhà cung cấp: _____

Ngày: _____

Tên thành viên liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp			
☐ Không có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại mục ghi chú ở dưới.			
☐ Có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của nhà cung cấp kể từ ngày 01 tháng 01 năm__ [ghi năm] theo quy định tại mục ghi chú ở dưới.			
Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

- NCC phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng không hoàn thành do lỗi của NCC trong quá khứ. Trường hợp MB phát hiện NCC có hợp đồng không hoàn thành do lỗi của NCC trong quá khứ mà không kê khai thì được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của NCC sẽ bị loại. Trường hợp NCC liên danh thì từng thành viên của NCC liên danh phải kê khai theo Mẫu này.
- Hợp đồng không hoàn thành do lỗi của NCC bao gồm:
 - Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận NCC không hoàn thành và NCC không phản đối;
 - Hợp đồng bị Chủ đầu tư kết luận NCC không hoàn thành, không được NCC chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho NCC.
- Các hợp đồng không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà NCC đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của NCC nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đại diện hợp pháp của NCC*[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]*Mẫu số 8 – Hợp đồng tương tự do NCC thực hiện**HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ DO NCC THỰC HIỆN⁽¹⁾**

____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Tên NCC: ____ *[ghi tên đầy đủ của NCC]*

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng bằng số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trong trường hợp là thành viên trong liên danh hoặc NCC phụ, ghi giá trị phần hợp đồng mà NCC đảm nhiệm	<i>[ghi phần trăm giá hợp đồng trong tổng giá hợp đồng]</i>	<i>[ghi số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng, địa chỉ e-mail]</i>		
E-mail:			
Mô tả tính chất tương tự của hợp đồng			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Về giá trị	<i>[ghi số tiền bằng VND]</i>		
3. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>		
4. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

NCC phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến các hợp đồng đó (xác nhận của Chủ đầu tư về hợp đồng đã hoàn thành theo các nội dung liên quan trong bảng trên...).

Ghi chú:

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

(2) NCC chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói mua sắm.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NCC

Tên NCC: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của NCC liên danh (nếu có): _____

Số liệu tài chính cho 03 năm gần nhất [VND]		
Năm : 2023	Năm : 2024	Năm : 2025

Thông tin từ Bảng cân đối kế toán

Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Tài sản ngắn hạn			
Nợ ngắn hạn			
Vốn lưu động			

Thông tin từ Báo cáo kết quả kinh doanh

Tổng doanh thu			
Doanh thu bình quân hàng năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh			
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			
Đính kèm là bản sao các báo cáo tài chính cho năm gần nhất, như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau: 1. Phản ánh tình hình tài chính của NCC hoặc thành viên liên danh (nếu là NCC liên danh). 2. Các báo cáo tài chính được kiểm toán theo quy định. 3. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định. 4. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành			

PHỤ LỤC 01: TIÊU CHUẨN KỸ THUẬT

Ghi chú:

M: Mandatory - Tiêu chí trọng yếu bắt buộc phải đáp ứng, nếu không đáp ứng có thể bị loại.

E: Essential - Tiêu chí quan trọng bắt buộc phải đáp ứng mức tối thiểu nếu không có thể bị loại.

O: Optional - Tiêu chí tùy chọn, không bắt buộc.

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	PHIÊN BẢN Năm sản xuất:	VF9 PLUS 6 chỗ trần thép Năm 2026	M
	KÍCH THƯỚC VÀ TẢI TRỌNG		M
	Chiều dài cơ sở (mm)	3149	M
	Dài x Rộng x Cao (mm)	5119 x 2004 x 1696	M
	Khoảng sáng gầm xe không tải (mm)	194	M
	Dung tích khoang chứa hành lý – Có hàng ghế cuối (L)	212	M
	Dung tích khoang chứa hành lý – Gập hàng ghế cuối (L)	926	M
	Dung tích khoang chứa hành lý – Phía trước	75L tính đến bề mặt bồn, 100L tính đến mặt dưới nắp capo	M
	Tải trọng hành lý nóc xe (kg)	75	M
	HỆ THỐNG TRUYỀN ĐỘNG		M
	Động cơ VinFast VF 9		M
	Loại động cơ	2 động cơ (loại 150 kW)	M
	Công suất tối đa (kW/hp)	300/402	M
	Mô men xoắn cực đại (Nm)	620	M
	Tốc độ tối đa (km/h)	200	M
	Tăng tốc 0 – 100 km/h (s)	6,8	M
	Pin		M
	Dung lượng pin khả dụng (kWh)	123	M
	Chuẩn sạc – trạm sạc công cộng	Plug & Charge, Auto Charge	M
	Thời gian nạp pin nhanh nhất (10% – 70%)	35 phút	M
	Thông số truyền động khác		M
	Dẫn động	AWD/ 2 cầu toàn thời gian	M
	Chế độ lái	Eco/Normal/Sport	M
	KHUNG GÀM		M
	Hệ thống treo trước	Độc lập, tay đòn kép	M
	Hệ thống treo sau	Liên kết đa điểm, giảm chấn khí nén	M
	Hệ thống phanh trước/sau	Đĩa thông gió	M
	Vành & lốp bánh xe		M
	Kích thước la-zăng	21 Inch	M
	Loại la-zăng	Hợp kim	M
	Loại lốp	Lốp mùa hè	M
	Khung gầm khác		M

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	Trợ lực lái	Trợ lực điện	M
	NGOẠI THẤT	Màu: Đen	M
	Hệ thống đèn		M
	Đèn pha	LED Matrix	M
	Đèn chờ dẫn đường	Có	M
	Đèn pha tự động bật/tắt	Có	M
	Đèn điều khiển góc chiếu thông minh	Có	M
	Tự động quay góc chiếu đèn (đèn liếc)	Có	M
	Ngoại thất khác		M
	Đèn định vị (đèn chiếu sáng ban ngày)	LED	M
	Đèn chào mừng	Có	M
	Đèn sương mù trước	Tiêu chuẩn	M
	Đèn sương mù sau	Tiêu chuẩn	M
	Đèn chiếu góc	Tiêu chuẩn	M
	Đèn hậu	LED	M
	Đèn nhận diện thương hiệu VinFast phía trước	Có	M
	Đèn nhận diện thương hiệu VinFast phía sau	Có	M
	Gương		M
	Gương chiếu hậu: chỉnh điện	Có	M
	Gương chiếu hậu: gập điện	Có	M
	Gương chiếu hậu: báo rẽ	Có	M
	Gương chiếu hậu: sấy mặt gương	Có	M
	Gương chiếu hậu: tự động chỉnh khi lùi	Có	M
	Gương chiếu hậu: chống chói tự động	Có	M
	Gương chiếu hậu: nhớ vị trí	Có	M
	Cửa xe		M
	Tay nắm cửa	Loại ẩn	M
	Cơ chế lấy mở cửa	Nút bấm điện	M
	Cửa hít	Có	M
	Kiểu cửa sổ	Hàng ghế trước: kính cách âm 2 lớp, hàng ghế sau: kính 1 lớp	M
	Kính cửa sổ màu đen (riêng tư)	Kính đen mờ, theo thông số thị trường Mỹ	M
	Đèn chiếu sáng khi mở cửa	Chiếu hình logo	M
	Cốp xe		M
	Điều chỉnh cốp sau	Chỉnh điện	M
	Đóng/Mở cốp đá chân	Có	M
	Đèn chiếu logo mặt đường (cảm biến đá cốp)	Có	M
	Sưởi kính sau	Có	M
	Ngoại thất khác		M
	Kính chắn gió, chống tia UV	Có	M
	Gạt mưa trước tự động	Có	M
	Gạt mưa sau	Có	M
	Tấm bảo vệ dưới thân xe	Có	M

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	NỘI THẤT VÀ TIỆN NGHI		M
	Ghế toàn xe		M
	Số chỗ ngồi	6	M
	Chất liệu bọc ghế	Da nhân tạo/Màu: Nâu	M
	Ghế lái		M
	Ghế lái – điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 12 hướng	M
	Ghế lái nhớ vị trí	Có	M
	Tựa đầu ghế lái	Chỉnh cơ cao thấp	M
	Ghế lái massage	Có	M
	Ghế lái có thông gió	Có	M
	Ghế lái có sưởi	Có	M
	Ghế phụ		M
	Ghế phụ – điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 10 hướng	M
	Tựa đầu ghế phụ	Chỉnh cơ cao thấp	M
	Ghế phụ có massage	Có	M
	Ghế phụ có thông gió	Có	M
	Ghế phụ có sưởi	Có	M
	Hàng ghế 2		M
	Ghế lái có sưởi	Có	M
	Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh hướng	Chỉnh điện 8 hướng	M
	Hàng ghế thứ 2 điều chỉnh gập tỉ lệ	40:20:40, dễ vào hàng 3	M
	Hàng ghế thứ 2 có thông gió	Có	M
	Hàng ghế thứ 2 có massage	Có	M
	Hàng ghế thứ 2 có sưởi	Có	M
	Ghế VIP	6 chỗ: Có, khách hàng lựa chọn từ đầu khi mua xe 7 chỗ: Không	M
	Ghế VIP chỉnh điện	6 chỗ: Chỉnh điện 8 hướng	M
	Hộp đồ hàng ghế sau	6 chỗ: Có sạp không dây	M
	Tựa đầu ghế VIP	Chỉnh cơ cao thấp	M
	Ghế VIP massage	Có	M
	ghế VIP có thông gió	Có	M
	Ghế VIP có sưởi	Có	M
	Ghế hàng 3		M
	Tựa đầu hàng ghế thứ 3	Chỉnh cơ cao thấp	M
	Thao tác gập hàng ghế thứ 3	Có dây kéo (lưng ghế)	M
	Vô lăng		M
	Điều chỉnh vô lăng	Chỉnh cơ 4 hướng	M
	Bọc vô lăng	Bọc da (trước tháng 3/2024) bọc da nhân tạo (từ tháng 3/2024)	M
	Vô lăng: nút bấm điều khiển tính năng giải trí	Có	M
	Vô lăng: nút bấm điều khiển ADAS	Có	M
	Sưởi tay lái	Có	M
	Nhớ vị trí vô lăng	Có	M

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	Điều hoà không khí		M
	Hệ thống điều hoà	Tự động 3 vùng	M
	Chức năng kiểm soát chất lượng không khí	Có	M
	Chức năng ion hóa không khí	Có	M
	Lọc không khí Cabin	Combi 1.0	M
	Chức năng làm tan sương/tan băng	Có	M
	Ống thông gió dưới chân hành khách sau	Có	M
	Màn hình, kết nối, giải trí, tiện nghi		M
	Màn hình giải trí cảm ứng	15,6 inch	M
	Màn hình giải trí cảm ứng hàng ghế sau	8 inch	M
	Màn hình hiển thị HUD	Có	M
	Cổng kết nối USB loại A Hàng ghế thứ 2	2 (ghế dài), 4 ghế VIP)	M
	Cổng kết nối USB loại A Hàng ghế thứ 3	2	M
	Cổng kết nối USB loại C	Có	M
	Cổng sạc 12V khoang hành lý	Có	M
	Ổ điện xoay chiều	Có 220V	M
	Sạc không dây	Có	M
	Kết nối wifi	Có	M
	Kết nối Bluetooth	Có	M
	Chìa khóa	Chìa khóa thông minh	M
	Khởi động bằng bàn đạp phanh	Có	M
	Hệ thống loa		M
	Hệ thống loa	13	M
	Loa trầm	1	M
	Hệ thống đèn nội thất		M
	Đèn trang trí nội thất	Có (đa màu)	M
	Đèn chiếu khoang để chân	Có	M
	Trần kính toàn cảnh	Tùy chọn	M
	Nội thất và tiện nghi khác		M
	Phanh tay	Điện tử	M
	Phanh tay	Điện tử	M
	Gương chiếu hậu trong xe	Chống chói tự động	M
	Mức đánh giá an toàn	ASEAN NCAP 5*	M
	Hệ thống chống bó cứng phanh ABS	Có	M
	Chức năng phân phối lực phanh điện tử EBD	Có	M
	Hỗ trợ phanh khẩn cấp BA	Có	M
	Hệ thống cân bằng điện tử ESC	Có	M
	Chức năng kiểm soát lực kéo TCS	Có	M
	Hỗ trợ khởi hành ngang dốc HSA	Có	M
	Chức năng chống lật ROM	Có	M
	Đèn báo phanh khẩn cấp ESS	Có	M
	Giám sát áp suất lốp	dTPMS	M
	Khoá cửa xe tự động khi xe di chuyển	Có	M
	Căng đai khẩn cấp ghế trước	Có	M

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	Căng đai khẩn cấp ghế sau	Có	M
	Móc cố định ghế trẻ em ISOFIX, hàng ghế thứ 2	Có	M
	Hệ thống túi khí	11 túi khí	M
	Túi khí trước lái và hành khách phía trước	2 túi khí	M
	Túi khí rèm	2 túi khí	M
	Túi khí bên hông hàng ghế trước	2 túi khí	M
	Túi khí bên hông hàng ghế sau	2	M
	Túi khí bảo vệ chân hàng ghế trước	2	M
	Túi khí trung tâm hàng ghế trước	1	M
	Phát hiện sự hiện diện của trẻ em	Tiêu chuẩn	M
	Tự động ngắt túi khí có ghế an toàn trẻ dưới 3 tuổi	Có	M
	Xác định tình trạng hành khách	Có	M
	Cảnh báo chống trộm	Có	M
	Tính năng khóa động cơ khi có trộm	Có	M
	CÁC TÍNH NĂNG ADAS		M
	Trợ lái trên đường cao tốc		M
	Hỗ trợ di chuyển khi ùn tắc (Level 2)	Có	M
	Hỗ trợ lái trên đường cao tốc (Level 2)	Có	M
	Trợ lái làn		M
	Cảnh báo chệch làn	Có	M
	Hỗ trợ giữ làn	Có	M
	Kiểm soát đi giữa làn	Có	M
	Giám sát hành trình thích ứng		M
	Giám sát hành trình thích ứng	Có	M
	Điều chỉnh tốc độ thông minh	Có	M
	Nhận biết biển báo giao thông	Có	M
	Cảnh báo va chạm		M
	Cảnh báo va chạm phía trước	Có	M
	Cảnh báo phương tiện cắt ngang phía sau	Có	M
	Cảnh báo điểm mù	Có	M
	Cảnh báo mở cửa	Có	M
	Trợ lái khi có nguy cơ va chạm		M
	Phanh tự động khẩn cấp trước	Có	M
	Hỗ trợ giữ làn khẩn cấp	Có	M
	Hỗ trợ đỗ xe		M
	Hỗ trợ đỗ phía trước	Có	M
	Hỗ trợ đỗ phía sau	Có	M
	Hệ thống camera sau	Có	M
	Giám sát xung quanh	Có	M
	Đèn pha tự động & các tính năng khác		M
	Đèn pha tự động/đèn pha thích ứng	Đèn pha thích ứng	M
	Hệ thống giám sát lái xe	Có	M

TT	Hạng mục	Yêu cầu chi tiết	Tiêu chí
	CÁC TÍNH NĂNG THÔNG MINH VF CONNECT**		M
	Điều khiển xe thông minh		M
	Điều khiển chức năng trên xe	Có	M
	Chế độ Người lạ	Có	M
	Chế độ Thú cưng	Có	M
	Chế độ Cắm trại	Có	M
	Chế độ giảm âm báo	Có	M
	Chế độ rửa xe	Có	M
	Thiết lập, theo dõi và ghi nhớ hồ sơ người lái		M
	Đồng bộ và quản lý tài khoản	Có	M
	Cài đặt giới hạn địa lý của xe (Geofencing)	Có	M
	Cài đặt thời gian hoạt động của xe	Có	M
	Điều hướng – Dẫn đường		M
	Tìm kiếm địa điểm và dẫn đường	Có	M
	Hỗ trợ thiết lập hành trình tối ưu	Có	M
	Hiển thị tình trạng giao thông thời gian thực	Có	M
	Hiển thị bản đồ vệ tinh	Có	M
	Định vị vị trí xe từ xa	Có	M
	An ninh – An toàn		M
	Gọi cứu hộ tự động và dịch vụ hỗ trợ trên đường	Có	M
	Giám sát và cảnh báo xâm nhập trái phép	Có	M
	Gọi cứu hộ tự động và dịch vụ hỗ trợ trên đường	Có	M
	Giám sát và cảnh báo xâm nhập trái phép	Có	M
	Chẩn đoán lỗi trên xe tự động	Có	M
	Đề xuất lịch bảo trì/bảo dưỡng tự động	Có	M
	Theo dõi và hiển thị thông tin tình trạng xe	Có	M
	Tiện ích gia đình		M
	Hỏi đáp trợ lý ảo	Có	M
	Cá nhân hoá trải nghiệm trợ lý ảo	Có	M
	Kết nối Android Auto và Apple Carplay	Có	M
	Xem phim/video	Có	M
	Chơi trò chơi điện tử	Có	M
	Tra cứu và truy cập internet	Có	M
	Tích hợp điều khiển các thiết bị Smart Homes	Có	M
	Đồng bộ lịch danh bạ điện thoại	Có	M
	Nhận và gửi tin nhắn qua giọng nói	Có	M
	Cập nhật phần mềm từ xa		M
	Cập nhật phần mềm từ xa	Có	M
	Dịch vụ về xe		M
	Nhận thông báo và đặt dịch vụ hậu mãi	Có	M